

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tâm;

Ông Nguyễn Thanh Tú;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXS-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 18 đường T, phường M, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh thị xã N, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A).

Địa chỉ: Số 37, đường N, khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Phú L, sinh năm 1985;

2.2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ cư trú: khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn P có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày: Vào ngày 30/11/2016 ông Nguyễn Phú L có vay tiền của Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã N, tỉnh Đồng Tháp số tiền 100.000.000đồng, đến hạn trả dứt nợ là ngày 25/10/2019, vay sử dụng vào mục đích nhu cầu đời sống mua vật dụng sinh hoạt gia đình, theo hợp đồng tín dụng số 6508LAV 201608931 với lãi suất cho vay 12.5%/năm, đến nay đã quá hạn phân kỳ gốc và lãi nhưng ông Nguyễn Phú L không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Khi vay tiền ông Nguyễn Phú L và vợ là bà Nguyễn Thị O có thể chấp tài sản cho Ngân hàng là một quyền sử dụng đất diện tích 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở đô thị, tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị thế chấp là 155.800.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) theo hợp đồng thế chấp số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm số CH01663, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã N ký ngày 01/12/2016. Tính đến ngày 15/8/2018, tổng dư nợ của ông Nguyễn Phú L tạm tính là 117.920.139đồng (Một trăm mười bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc: 100.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 16.388.889đồng, nợ lãi quá hạn: 1.531.250đồng. Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã N, tỉnh Đồng Tháp đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như trên cho Ngân hàng nhưng đến nay ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O liên đới trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng; Trong đó, nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 20.034.723đồng, lãi quá hạn 2.255.209đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tính đến khi hộ ông Nguyễn Phú L trả dứt nợ cho Ngân hàng A.

+ Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 giữa Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã N, tỉnh Đồng Tháp với ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O đối với diện tích đất 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn P cho rằng mặc dù thời hạn trả nợ của ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O đối với Ngân hàng là vào ngày 25/10/2019 nhưng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 6508LAV 20160893, ngày 30/11/2016 thì ông L và bà O phải trả nợ gốc lẫn lãi vào kỳ đầu tiên là ngày 25/4/2017 nhưng đến nay ông L và bà O vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng được đồng nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo điểm c khoản 2 Điều 8 của hợp đồng tín dụng số 6508LAV 20160893 ngày 30/11/2016 nên Ngân hàng mới khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O trả toàn bộ số nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng. Tại thời điểm ông Nguyễn Phú L vay tiền của Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị O còn sống chung trong hộ của ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O có ký tên trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị O liên đới cùng với ông Nguyễn Phú L trả nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A. Buộc ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 đối với diện tích đất 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Vào ngày 30/11/2016, ông Nguyễn Phú L đã ký kết với Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã N 01 (một) hợp đồng tín dụng số 6508LAV 20160893 và 01 (một) hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc ký kết vay tiền đã ghi địa chỉ nơi cư trú cụ thể, rõ ràng của ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O. Nhưng sau đó, ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng

mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm a khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O cố tình giấu địa chỉ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng; Trong đó, nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 20.034.723đồng, lãi quá hạn 2.255.209đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tính đến khi hộ ông Nguyễn Phú L trả dứt nợ cho Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Ông Nguyễn Phú L có ký kết hợp đồng tín dụng số 6508LAV 20160893 ngày 30/11/2016 với Ngân hàng A để vay số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 34 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là sửa chữa nhà, lãi suất cho vay 12.5%/năm, phương pháp trả lãi tiền vay 6 tháng/1 lần vào ngày 25, kỳ đầu tiên vào ngày 25/4/2017. Nhưng tính đến ngày 15/8/2018 ông Nguyễn Phú L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 của hợp đồng tín dụng nêu trên là vi phạm hợp đồng nên việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phú L trả lại toàn bộ số tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng là phù hợp.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Phú L không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình. Nhưng theo hợp đồng tín dụng thì mục đích sử dụng tiền vay là sửa chữa nhà, tài sản mà ông L và bà O thế chấp cho Ngân hàng là tài sản được cấp cho hộ ông Nguyễn Phú L, trong hợp đồng thế chấp có chữ ký tên và chữ ghi họ tên bà Nguyễn Thị O thống nhất cùng với ông Nguyễn Phú L thế chấp quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Phú L cho Ngân hàng. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Phú L trả cho Ngân hàng A số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng; Trong đó, nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 20.034.723đồng, lãi quá hạn 2.255.209đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đến khi hộ ông Nguyễn Phú L trả dứt nợ cho Ngân hàng A là hoàn toàn có căn cứ.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 giữa ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O với Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay tiền ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 với Ngân hàng A, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất do hộ ông Nguyễn Phú L đứng tên, diện tích 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên phần đất diện tích 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp có căn nhà bằng gỗ tạp của hộ ông Nguyễn Phú L. Khi ông L bỏ địa phương đi có nhờ chị là bà Nguyễn Thị L trông coi nhà giùm. Theo xác nhận của bà Nguyễn Thị L thì bà chỉ là người trông coi nhà giùm cho ông Lâm chứ nhà và đất là của hộ ông L, bà và ông L đều có nhà riêng và đều có hộ khẩu riêng, bà không có quyền lợi gì đối với phần tài sản mà ông L đã thế chấp cho Ngân hàng, bà cũng không có quyền lợi gì đối với số tiền mà hộ ông L đã vay của Ngân hàng, bà không có yêu cầu, không có tranh chấp gì đối với Ngân hàng và hộ ông Nguyễn Phú L trong vụ án này vì bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy phần tài sản mà hộ ông Nguyễn Phú L thế chấp cho Ngân hàng A để đảm bảo cho số tiền mà hộ ông Nguyễn Phú L vay của Ngân hàng là tài sản riêng của hộ ông Nguyễn Phú L chứ không có liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L và khi hộ ông L thế chấp cho Ngân hàng là chỉ thế chấp quyền sử dụng đất chứ không có thế chấp căn nhà. Ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O đã vi phạm hợp đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của hộ ông Nguyễn Phú L đối với Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A. Buộc ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng; Trong đó, nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 20.034.723đồng, lãi quá hạn 2.255.209đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tính đến khi hộ ông Nguyễn Phú L trả dứt nợ cho Ngân hàng A.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 giữa ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O với Ngân hàng A đối với diện tích 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, đứng tên hộ ông Nguyễn Phú L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính hết ngày 28/11/2018 là 122.289.932 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng; Trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 20.034.723 đồng, lãi quá hạn 2.255.209 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đến khi hộ ông Nguyễn Phú L trả dứt nợ cho Ngân hàng A.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18021611.033/HĐTC ngày 01/12/2016 giữa ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O với Ngân hàng A đối với diện tích 77,9m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ 60, là đất ở tại đô thị, tại khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, đứng tên hộ ông Nguyễn Phú L (Trên đất có căn nhà bằng gỗ tạp của hộ ông Nguyễn Phú L).

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O phải chịu 6.114.000đ (Sáu triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 2.948.000đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05204 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

- Về chi phí tố tụng:

+ Ông Nguyễn Phú L và bà Nguyễn Thị O phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng A vì Ngân hàng đã tạm ứng trước và đã chi xong.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo